TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 29-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Ông Phạm Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Ông Tôn Thọ S, sinh năm 1993;

Địa chỉ: E Ấp E, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thùy P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: C Ấp D, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

(Theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2023).

**Bị đơn*: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: B Ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà P, ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2023 và các lời trình bày của ông Tôn Thọ S và của người đại diện theo ủy quyền của ông S là bà Nguyễn Thùy P có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 01/3/2023, ông Nguyễn Tuấn K có vay của ông S số tiền 100.000.000đ có lập văn bản tại Văn phòng C, lãi suất vay do các bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật là 20%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 02 tháng. Ông K phải thanh toán tiền lãi suất mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng và ông K phải hoàn trả đủ một lần số tiền vay ngay khi hết thời hạn vay là ngày 01/5/2023. Đến nay, ông K vẫn chưa thanh toán cho ông S tiền gốc lẫn tiền lãi. Ông S đã nhiều lần liên hệ với ông K để nhắc về số tiền vay trên nhưng phía ông K vẫn chưa trả tiền cho ông S. Nay ông S khởi kiện yêu cầu ông K trả cho ông S số tiền gốc vay là 100.000.000đ và lãi suất phát sinh như sau:

- Lãi trong hạn: Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/5/2023:

100.000.000 đồng*(20%/12)*2 tháng = 3.333.000đ.

- Lãi quá hạn: Từ ngày 02/5/2023 đến ngày 02/11/2023:

100.000.000đồng*(30%/12)*6 tháng =15.000.000đ.

Tổng tiền lãi: 3.333.000 + 15.000.000 =18.333.000đ.

Kể từ ngày 03/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm yêu cầu tính theo mức lãi suất quá hạn của Bộ luật Dân sự (30%/năm).

Ngày 28/5/2024, ông S có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện có nội dung đề nghị Tòa án xem xét tính lãi suất cho vay, cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn: Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/5/2023:

100.000.000 đồng*(10%/12)*2 tháng = 1.667.000đ.

- Lãi quá hạn: Từ ngày 02/5/2023 đến ngày 02/11/2023:

100.000.000đồng*(15%/12)*6 tháng =7.500.000đ.

Kể từ ngày 03/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 29/5/2024 yêu cầu tính theo mức lãi suất quá hạn của Bộ luật dân sự là:

100.000.000đ * (15%/12) * 6 tháng + 26 ngày = 8.584.000đ.

Tổng tiền lãi: 1.667.000đ + 7.500.000đ + 8.584.000đ = 17.751.000đ.

Ngày 08/4/2024, bà P có đơn đề nghị Tòa án xem xét cho bà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Nguyễn Tuấn K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Tuấn K đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của ông S. Phiên tòa hôm nay, ông K cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thọ S là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Tôn Thọ S khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Tuấn K có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Nguyễn Thùy P, Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông K đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông K không chấp hành. Riêng bà P đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thùy P là người đại diện theo ủy quyền của ông Tôn Thọ S thì vào ngày 01/3/2023, ông Tôn Thọ S có cho ông Nguyễn Tuấn K vay số tiền là 100.000.000đ, có lập văn bản tại Văn phòng C, lãi suất vay do các bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật là 20%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 02 tháng. Ông K phải thanh toán tiền lãi suất mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng và ông K phải hoàn trả đủ một lần số tiền vay ngay khi hết thời hạn vay là ngày 01/5/2023. Tuy nhiên, từ khi hết thời hạn vay cho đến nay thì ông K vẫn chưa trả tiền nên ông S khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền gốc vay là 100.000.000đ. Kèm theo lời trình bày của mình, ông S cung cấp cho Tòa án 01 "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/3/2023 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Tuấn K được lập tại Văn phòng C số

công chứng 1151 quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/3/2023 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Tuấn K thì đủ cơ sở để xác định ông K có vay ông S số tiền là 100.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng. Ông K được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc ông S khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền đã vay nhưng ông K không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc ông S khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền gốc vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất cho vay, căn cứ vào "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/3/2023 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Tuấn K được lập tại Văn phòng C số công chứng 1151 quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, thấy rằng:

Tại Điều 3 "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/3/2023 có nội dung "Lãi suất vay: do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật" chứ không có ghi nhận cụ thể mức lãi suất cho vay là bao nhiêu. Ông S ban đầu thì cho rằng các bên thỏa thuận mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm nhưng ông S cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc ông và ông K có thỏa thuận với nhau mức lãi suất cho vay là 20%/năm. Mặt khác, ngày 28/4/2024 thì ông S lại có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông K trả lãi suất cho vay theo mức lãi suất là 10%/năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không đến theo sự triệu tập của Tòa án nên Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến của ông K về mức lãi suất thỏa thuận khi ông K vay tiền ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, trong hợp đồng vay này tuy có thỏa thuận lãi suất cho vay nhưng lại không xác định được lãi suất cho vay cụ thể là bao nhiêu và có sự không thống nhất về lãi suất cho vay nên được Hội đồng xét xử xác định là có sự tranh chấp về lãi suất cho vay. Vì vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xác định lãi suất cho vay trong hợp đồng vay tiền này là 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, việc tính lãi suất trong hạn vay được tính cụ thể như sau:

100.000.000đ x 10%/năm x 02 tháng = 1.667.000đ.

Ngày 01/5/2023 là ngày hết thời hạn vay theo "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/3/2023 nhưng ông K không trả tiền gốc và tiền lãi nên ông S khởi kiện yêu cầu ông K phải chịu lãi suất quá hạn đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 15%/năm. Hội đồng xét xử nhận thấy: "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/3/2023 giữa ông S và ông K là hợp đồng vay tiền có thời hạn, hết thời hạn vay tiền ông K không trả tiền cho ông S thì ông S có quyền yêu cầu ông K phải chịu tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, thời điểm hợp đồng quá hạn được xác định là ngày 02/5/2023 và được tính cụ thể như sau:

100.000.000đ x 15%/năm x 01 năm 26 ngày = 16.084.000đ

Tổng cộng, ông S yêu cầu ông K trả ông số tiền là 100.000.000đ tiền gốc + 1.667.000đ tiền lãi trong hạn + 16.084.000đ tiền lãi quá hạn = 117.751.000đ.

[5] Về phương thức thanh toán: ông Tôn Thọ S yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ trả tiền vay, ông K không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông K trả cho ông S số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.888.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Tôn Thọ S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thọ S về việc yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K trả cho ông số tiền gốc vay là 100.000.000đ và tiền lãi suất vay phát sinh đến ngày 29/5/2024 là 17.751.000đ, tổng cộng là 117.751.000đ.

Buộc ông Nguyễn Tuấn K trả cho ông Tôn Thọ S số tiền gốc vay và lãi vay 117.751.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 5.888.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tôn Thọ S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.958.325đ theo biên lai thu số 0001378 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh